TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:157/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Ông Trần Đức Hiếu
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 287/2021/TLST - HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/03/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/03/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 42, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Phước D, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ 42, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/ 2021, bản tự khai ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Huệ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Phước D kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (số 77, quyển số 01/2011 ngày 22/10/2012). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ tổ 42, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng cũng đã âm ỉ từ lâu nhưng trầm trọng nhất là vào năm 2021, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lời qua tiếng lại, ông D thường xuyên uống rượu bia về nhà chửi bới, thậm chí còn đánh đập bà. Mặc dù, bà và ông D

cùng chung sống trong một nhà nhưng vợ chồng phần ai nấy sống, kinh tế phần ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, bà không còn tình cảm gì với ông D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Phước D.

Về con chung: Bà H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Phước H, sinh ngày 09/01/2017. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Mỗi con chung 1.500.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng H.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa tuân thủ đúng theo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hoàng H, xử cho bà Nguyễn Thị Hoàng H được ly hôn ông Trần Phước D.

Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung Trần Phước V, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Phước H, sinh ngày 09/ 01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoàng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Trần Phước D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng (Mỗi con chung 1.500.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Huệ xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà Huệ xác nhận không có.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hoàng H khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Trần Phước D cư trú tại địa chỉ tổ 42, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn ông Trần Phước D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về *quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hoàng H và ông Trần Phước D kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam đến năm 2014 thì vợ chồng ra Đà Nẵng thuê nhà sống. Theo bà H, ngay sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà đã từng gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam để giải quyết. Tuy nhiên, sau khi được hòa giải vợ chồng đoàn tụ về sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là vào năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua tiếng lại, ông D uống rượu bia say về chửi bới và còn đánh đập bà nhiều lần. Nay bà H nhận thấy bà và ông D ông thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

Xét thấy: Qua lời khai của bà H cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị Hoàng H và ông Trần Phước D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua tiếng lại, vợ chồng sống không hạnh phúc. Theo kết quả xác minh ở nơi cư trú của ông D và bà H thể hiện thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, thậm chí có lần ông D còn đánh đập bà Huệ, chính quyền địa phương cũng đã can thiệp nhưng không có kết quả. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng ông D không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ ông D không quan tâm, không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông D đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Nguyễn Thị Hoàng H được ly hôn với ông Trần Phước D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà H và ông D có 02 con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Phước H, sinh ngày 09/ 01/2017. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Mỗi con chung 1.500.000 đồng*) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà H thì thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về mặt thể chất và tinh thần. Hiện nay hai cháu Trần Phước V và Trần Phước H còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và bà H cũng có thu nhập tương đối ổn định. Đồng thời, cháu Trần Phước V đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, việc giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Bố và mẹ đều có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung, 02 con chung đang ở tuổi ăn, học cần nhiều chi phí để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu nên việc bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Mỗi con chung 1.500.000 đồng*) là phù hợp nên chấp nhận, buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Mỗi con chung 1.500.000 đồng*) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà H xác nhận không có.

[2. 4] *Về nợ chung*: Bà H xác nhận không có.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án giống với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:*

[4.1]Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hoàng H phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*.

[4.2] Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Trần Phước D phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hoàng H được ly hôn ông Trần Phước D.

2.Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 05/11/2012 và Trần Phước H, sinh ngày 09/01/2017. Buộc ông Trần Phước D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Mỗi con chung 1.500.000 đồng*) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các

bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có.

4. Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Hoàng H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001583 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình.

6.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Trần Phước D phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Phước D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Cẩm Lệ;*
- *CCTHADS Q.Cẩm Lệ;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND xã Q -huyện Q;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*